

NÂNG HẠNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

FTSE Russell & MSCI

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

Nguyễn Việt Sang

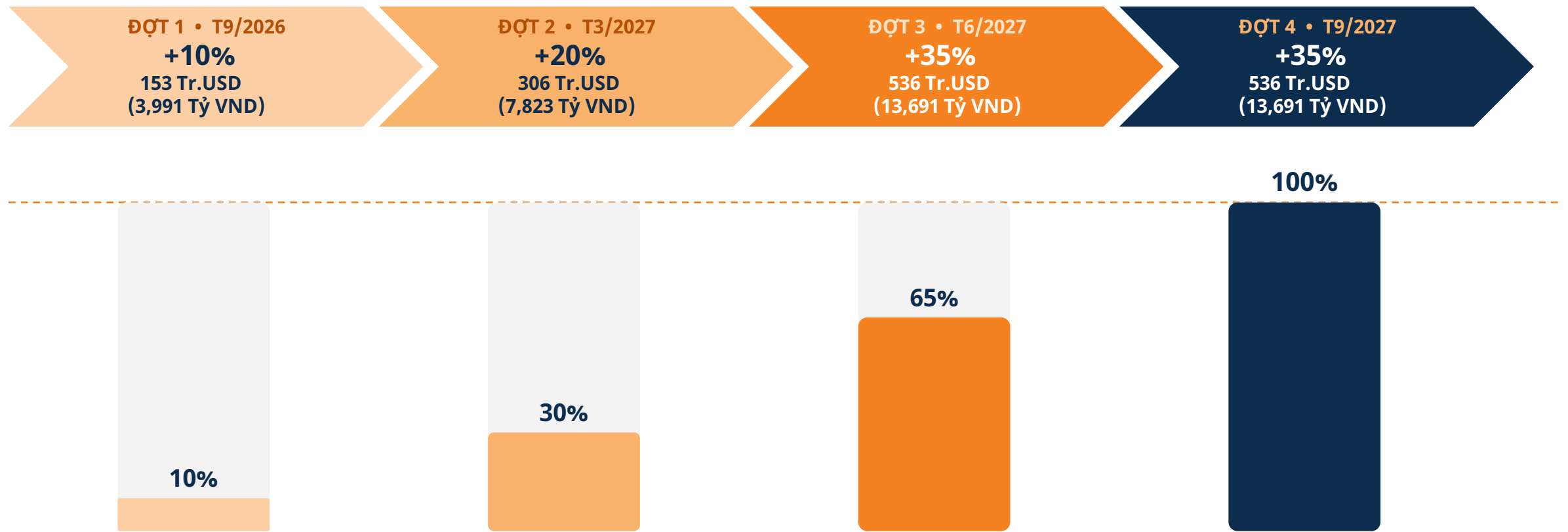
sang.nv@miraeasset.com.vn

PLEASE SEE ANALYST CERTIFICATIONS AND IMPORTANT DISCLOSURES & DISCLAIMERS IN APPENDIX 1 AT THE END OF REPORT.



Tiến độ nâng hạng

- Hiện tại, Việt Nam đang đi đúng theo lộ trình nâng hạng lên thị trường mới nổi FTSE Russel trong năm 2026. Trong khi đó, việc nâng hạng bởi MSCI được kỳ vọng là mục tiêu tiếp theo khi quá trình hướng tới hoàn thiện hệ thống trung tâm thanh toán bù trừ vào quý 1/2027 vẫn đang diễn ra.
- Ngày 07/04/2026, FTSE Russell xác nhận Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện nâng hạng từ Frontier Market lên Secondary Emerging Market từ ngày 21/09/2026. Như vậy, Việt Nam sẽ được đưa vào thành phần trong khu vực FTSE Asia Pacific ex Japan ex China và bắt đầu giai đoạn phân bổ tỷ trọng. Ước tính dòng vốn thụ động chảy vào thị trường Việt Nam đạt 39.118 tỷ VND.



Nguồn: FTSE Russell, Công ty Chứng khoán Mirae Asset tổng hợp

Nâng hạng thị trường chứng khoán

- Lộ trình nâng hạng đến năm 2030 của thị trường Việt Nam

FTSE Emerging Market

- 03/2026: FTSE đánh giá giữa kỳ.
- 21/09/2026: Việt Nam chính thức được đưa vào các bộ chỉ số FTSE Emerging Markets.

MSCI Watch List

- Nếu CCP vận hành và các cải cách then chốt hoàn tất, MSCI có thể đưa Việt Nam vào danh sách xem xét nâng hạng trong kỳ đánh giá tháng 6/2027 hoặc tháng 6/2028.

FTSE Advanced

- Việt Nam là thành viên EM vững ở cả FTSE và MSCI. Tiến tới nâng hạng thị trường Advanced Emerging của FTSE

2026

2027 - 2028

Sau 2030

2027

Hoàn thiện hạ tầng

- Vận hành hệ thống bù trừ trung tâm (CCP) – UBCKNN đặt mục tiêu Q1/2027.
- Triển khai cấu trúc tài khoản omnibus; từng bước nới room ngoại và tự do hóa ngoại hối, cho phép triển khai các công cụ phòng ngừa rủi ro.

2028 - 2030

MSCI Emerging Market

- Thường từ 1 – 3 năm từ thời điểm trong Watchlist, MSCI có thể chính thức nâng Việt Nam lên Emerging Market.

Tỷ trọng dự kiến của Việt Nam trong FTSE

- Tỷ trọng dự kiến của chứng khoán Việt Nam trong các chỉ số của FTSE. Dữ liệu được FTSE tính tại thời điểm kết thúc phiên 31/03/2026.

Tỷ trọng dự kiến trong FTSE Global All Cap	Tỷ trọng dự kiến trong FTSE Emerging All Cap	Tỷ trọng dự kiến trong FTSE All-World	Tỷ trọng dự kiến trong FTSE Emerging
0.034%	0.329%	0.02%	0.192%

- Dưới đây là các rõ chỉ số liên quan cần theo dõi được FTSE đề cập, khi FTSE nâng hạng thị trường Việt Nam.

Nhóm chỉ số	Chỉ số theo dõi	Mục đích
FTSE Emerging	- FTSE Emerging Incl Vietnam - FTSE Emerging Incl Vietnam ex Greece Index	Mô phỏng việc Việt Nam được thêm vào nhóm Emerging Market (Large & Mid Cap)
FTSE Emerging All Cap	- FTSE Emerging All Cap Incl Vietnam - FTSE Emerging All Cap Incl Vietnam ex Greece Index	Mô phỏng việc Việt Nam được thêm vào nhóm Emerging Market (Large, Mid & Small Cap)
FTSE Global All Cap	- FTSE Global All Cap Incl Vietnam - FTSE Global All Cap Incl Vietnam and Developed Greece Index	Mô phỏng việc Việt Nam được thêm vào hệ thống chỉ số toàn cầu FTSE Global All Cap
FTSE All-World	- FTSE All-World Incl Vietnam - FTSE All-World Incl Vietnam and Developed Greece Index	Mô phỏng việc Việt Nam được thêm vào FTSE All-World

Nguồn: FTSE Russell, Công ty Chứng khoán Mirae Asset tổng hợp

Dòng vốn sau khi nâng hạng

- Ước tính dòng vốn sau khi các quỹ thụ động hoàn tất đưa vào thị trường Việt Nam đạt 1.5 tỷ USD.

Chỉ số	Quỹ thụ động	Tỷ trọng	NAV (06/2026) (Triệu USD)	Giá trị đầu tư vào Việt Nam (Triệu USD)
FTSE Global All Cap ex-US	Vanguard Total International Stock Index Fund	0.09%	651,000	585.9
FTSE Global All Cap ex-US	Vanguard Institutional Total International Stock Market Index Trust II	0.09%	295,772	266.2
FTSE Global All Cap	Vanguard Total World Stock Index Fund	0.03%	97,000	33.0
FTSE Emerging Markets All Cap China A	Vanguard Emerging Markets Stock Index Fund	0.33%	163,300	537.3
FTSE Emerging Markets All Cap China A	Vanguard FTSE Emerging Markets All Cap Index ETF	0.33%	3,230	10.6
FTSE All-World ex-US	Vanguard FTSE All-World ex-US Index Fund	0.05%	94,900	49.3
FTSE All-World	Vanguard FTSE All-World UCITS ETF	0.02%	76,100	15.2
FTSE All-World	Invesco FTSE All-World UCITS ETF	0.02%	2,169	0.4
FTSE All-World	Xtrackers FTSE All-World UCITS ETF	0.02%	93	0.0
FTSE All-World	iShares FTSE All World UCITS ETF	0.02%	29	0.0
FTSE Emerging	Schwab Emerging Markets Equity ETF	0.19%	12,342	23.7
FTSE Emerging	Vanguard FTSE Emerging Markets UCITS ETF	0.19%	5,780	11.1
FTSE Emerging	Franklin FTSE Emerging Markets UCITS ETF	0.19%	13.26	0.0
FTSE Emerging	Invesco PureBeta FTSE Emerging Markets ETF	0.19%	138	0.3
FTSE Emerging	Cathay FTSE Emerging Markets ETF	0.19%	6	0.0
TOTAL			1,401,872	1,533

Nguồn: FTSE Russell, Công ty Chứng khoán Mirae Asset tổng hợp

Các tiêu chí của FTSE GEIS

- Điều kiện của cổ phiếu theo các tiêu chí của FTSE GEIS sàng lọc cổ phiếu.

Tiêu chí	Yêu cầu đối với cổ phiếu	Thời điểm đánh giá	Kỳ đánh giá bán niên tháng 09/2026
Vốn hóa thị trường	Phải vượt ngưỡng đưa vào chỉ số áp dụng cho khu vực, tính theo vốn hóa thị trường điều chỉnh free float	Vốn hóa tại ngày chốt dữ liệu đánh giá	30/06/2026
Vốn hóa khả dụng tối thiểu	Cổ phiếu mới phải có vốn hóa ròng ≥150 triệu USD	Vốn hóa tại ngày chốt dữ liệu đánh giá	30/06/2026
Thanh khoản	Trung vị khối lượng giao dịch hằng ngày phải đạt ≥0.05% số cổ phiếu lưu hành điều chỉnh free float trong ít nhất 10/12 tháng gần nhất	Giai đoạn 12 tháng kết thúc tại ngày chốt dữ liệu	01/07/2025–30/06/2026
Tỷ lệ free float	Free float tối thiểu 5%	Free float có hiệu lực tại ngày chốt dữ liệu	31/07/2026
Sở hữu nước ngoài	Phải đáp ứng giới hạn sở hữu nước ngoài (FOL) và yêu cầu về dư địa sở hữu nước ngoài	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài và FOL có hiệu lực tại ngày chốt dữ liệu	30/06/2026
Tỷ trọng có thể đầu tư	Được xác định dựa trên free float và các giới hạn sở hữu nước ngoài	Dựa trên free float và FOL tại ngày chốt dữ liệu	—
Lịch sử niêm yết	Phải đáp ứng yêu cầu về thời gian niêm yết tối thiểu, trừ trường hợp đủ điều kiện theo cơ chế gia nhập nhanh	Tại ngày chốt dữ liệu đánh giá	—

Nguồn: FTSE Russell, Công ty Chứng khoán Mirae Asset tổng hợp

Các tiêu chí của FTSE GEIS

- Ngưỡng vốn hóa khi có và không có Việt Nam của rổ chỉ số FTSE Asia Pacific ex Japan ex China

Nhóm vốn hóa	Ngưỡng	Phân vị vốn hóa tổng	FTSE Asia Pacific ex Japan ex China	FTSE Asia Pacific ex Japan ex China + Việt Nam
Vốn hóa lớn	Đưa vào	68%	8,853.73	8,579.90
	Loại ra	72%	7,015.34	6,716.72
Vốn hóa trung bình	Đưa vào	86%	5,277.41	5,320.01
	Loại ra	92%	1,094.97	1,068.75
Vốn hóa nhỏ	Đưa vào	98%	304.25	299.54
	Loại ra	101%	81.65	79.67

- Kết quả sàng lọc 100 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất Việt Nam

Nội dung	Số cổ phiếu	Vốn hóa ròng (triệu USD)	Tỷ trọng vốn hóa ròng	Trung vị tiêu chí của nhóm đạt yêu cầu
Tổng số cổ phiếu được sàng lọc	100	123,053	100%	
1. Cổ phiếu đủ điều kiện	35	79,604	64.7%	
Vốn hóa lớn	3	28,613	23.3%	
Vốn hóa trung bình	3	9,668	7.9%	
Vốn hóa nhỏ	29	41,322	33.6%	
2. Cổ phiếu trên ngưỡng giới hạn	44	100,211	81.4%	
Cổ phiếu dưới ngưỡng giới hạn	56	22,841	18.6%	
3. Đạt yêu cầu vốn hóa ròng tối thiểu (≥150 triệu USD)	43	100,129	81.4%	1,318.57
Đạt yêu cầu tỷ lệ free float (≥5%)	41	94,045	76.4%	40.00%
Đạt yêu cầu thanh khoản – ATDV (≥0.05%)	44	100,211	81.4%	0.69%
Đạt yêu cầu dư địa sở hữu nước ngoài (≥20%)	38	78,437	63.7%	78.27%

Danh mục cổ phiếu dự kiến

STT	Mã CP	Doanh nghiệp	Vốn hóa điều chỉnh (Triệu USD)	Vốn hóa tổng (Triệu USD)	Nhóm vốn hóa	Dòng vốn dự kiến (Triệu USD)	Số ngày GD cần thiết (Ngày)	Đợt 1 (09/2026) (Triệu USD)	Số ngày GD đợt 1 (Ngày)
1	VIC	Vingroup	19,331	64,437	Lớn	399	11.1	39.9	1.1
2	VHM	Vinhomes	7,110	23,698	Lớn	147	4.2	14.7	0.4
3	VCB	Vietcombank	2,173	19,754	Lớn	45	3.8	4.5	0.4
4	BID	BIDV	704	11,732	Trung bình	15	2.3	1.5	0.2
5	VPB	VPBank	4,478	8,142	Trung bình	92	5.7	9.2	0.6
6	HPG	Hòa Phát	4,486	7,477	Trung bình	92	4.2	9.2	0.4
7	MCH	Masan Consumer	1,319	6,593	Nhỏ	24	5.0	2.4	0.5
8	VPL	Vinpearl	918	6,121	Nhỏ	17	5.1	1.7	0.5
9	LPB	Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam	5,467	6,074	Nhỏ	98	5.0	9.8	0.5
10	STB	Sacombank	5,024	5,288	Nhỏ	90	7.2	9.0	0.7
11	BSR	Lọc hóa dầu Bình Sơn	2,039	2,398	Nhỏ	37	3.8	3.7	0.4
12	FPT	FPT	368	4,596	Nhỏ	7	0.3	0.7	0.0
13	VNM	Vinamilk	3,888	4,574	Nhỏ	70	5.6	7.0	0.6
14	VJC	Vietjet Air	1,741	4,353	Nhỏ	31	2.7	3.1	0.3
15	MSN	Tập đoàn Masan	1,339	2,678	Nhỏ	24	2.1	2.4	0.2
16	TCX	TCBS	1,427	4,078	Nhỏ	26	8.8	2.6	0.9
17	VCK	Chứng khoán VPS	2,401	4,002	Nhỏ	43	13.4	4.3	1.3
18	HVN	Vietnam Airlines	585	3,900	Nhỏ	11	8.8	1.1	0.9
19	SHB	SHB	766	3,063	Nhỏ	14	0.5	1.4	0.0
20	SSI	Chứng khoán SSI	222	2,779	Nhỏ	4	0.2	0.4	0.0
21	VRE	Vincom Retail	2,064	2,752	Nhỏ	37	6.5	3.7	0.7
22	SAB	Sabeco	1,773	2,533	Nhỏ	32	23.4	3.2	2.3
23	GEE	GELEX Electric	985	2,461	Nhỏ	18	4.8	1.8	0.5
24	VIB	VIB	260	2,364	Nhỏ	5	0.7	0.5	0.1

Danh mục cổ phiếu dự kiến

STT	Mã CP	Doanh nghiệp	Vốn hóa điều chỉnh (Triệu USD)	Vốn hóa tổng (Triệu USD)	Nhóm vốn hóa	Dòng vốn dự kiến (Triệu USD)	Số ngày GD cần thiết (Ngày)	Đợt 1 (09/2026) (Triệu USD)	Số ngày GD đợt 1 (Ngày)
25	SSB	SeABank	315	2,247	Nhỏ	6	1.3	0.6	0.1
26	VPX	Chứng khoán VPBank	1,174	2,135	Nhỏ	21	6.5	2.1	0.7
27	MSB	MSB	1,161	2,111	Nhỏ	21	2.8	2.1	0.3
28	BVH	Bảo Việt	408	2,038	Nhỏ	7	7.6	0.7	0.8
29	PLX	Petrolimex	1,345	1,921	Nhỏ	24	8.3	2.4	0.8
30	TPB	TPBank	182	1,823	Nhỏ	3	0.6	0.3	0.1
31	POW	PV Power	178	1,784	Nhỏ	3	0.5	0.3	0
32	VIX	Chứng khoán VIX	963	1,750	Nhỏ	17	0.7	1.7	0.1
33	GEX	Tập đoàn GELEX	343	1,714	Nhỏ	6	0.4	0.6	0
34	EIB	Eximbank	1,574	1,574	Nhỏ	28	4	2.8	0.4
35	OCB	OCB	1,095	1,564	Nhỏ	20	11.7	2	1.2

Nguồn: FTSE Russell, Công ty Chứng khoán Mirae Asset tổng hợp

Lộ trình dòng vốn FTSE dự kiến vào Việt Nam

STT	Mã CP	Tổng dòng vốn (Triệu USD)	Số ngày GD	Đợt 1 (09/2026)	Số ngày	Đợt 2 (03/2027)	Số ngày	Đợt 3 (06/2027)	Số ngày	Đợt 4 (09/2027)	Số ngày
1	VIC	399	11.1	39.9	1.1	79.7	2.2	139.5	3.9	139.5	3.9
2	VHM	147	4.2	14.7	0.4	29.3	0.8	51.3	1.5	51.3	1.5
3	VCB	45	3.8	4.5	0.4	9	0.8	15.7	1.3	15.7	1.3
4	BID	15	2.3	1.5	0.2	2.9	0.5	5.1	0.8	5.1	0.8
5	VPB	92	5.7	9.2	0.6	18.5	1.1	32.3	2	32.3	2
6	HPG	92	4.2	9.2	0.4	18.5	0.8	32.4	1.5	32.4	1.5
7	MCH	24	5	2.4	0.5	4.7	1	8.3	1.8	8.3	1.8
8	VPL	17	5.1	1.7	0.5	3.3	1	5.8	1.8	5.8	1.8
9	LPB	98	5	9.8	0.5	19.7	1	34.4	1.7	34.4	1.7
10	STB	90	7.2	9	0.7	18.1	1.4	31.7	2.5	31.7	2.5
11	BSR	37	3.8	3.7	0.4	7.3	0.8	12.8	1.3	12.8	1.3
12	FPT	7	0.3	0.7	0	1.3	0.1	2.3	0.1	2.3	0.1
13	VNM	70	5.6	7	0.6	14	1.1	24.5	2	24.5	2
14	VJC	31	2.7	3.1	0.3	6.3	0.5	11	1	11	1
15	MSN	24	2.1	2.4	0.2	4.8	0.4	8.4	0.8	8.4	0.8
16	TCX	26	8.8	2.6	0.9	5.1	1.8	9	3.1	9	3.1
17	VCK	43	13.4	4.3	1.3	8.6	2.7	15.1	4.7	15.1	4.7
18	HVN	11	8.8	1.1	0.9	2.1	1.8	3.7	3.1	3.7	3.1
19	SHB	14	0.5	1.4	0	2.8	0.1	4.8	0.2	4.8	0.2
20	SSI	4	0.2	0.4	0	0.8	0	1.4	0.1	1.4	0.1
21	VRE	37	6.5	3.7	0.7	7.4	1.3	13	2.3	13	2.3
22	SAB	32	23.4	3.2	2.3	6.4	4.7	11.2	8.2	11.2	8.2
23	GEE	18	4.8	1.8	0.5	3.5	1	6.2	1.7	6.2	1.7
24	VIB	5	0.7	0.5	0.1	0.9	0.1	1.6	0.2	1.6	0.2

Lộ trình dòng vốn FTSE dự kiến vào Việt Nam

STT	Mã CP	Tổng dòng vốn (Triệu USD)	Số ngày GD	Đợt 1 (09/2026)	Số ngày	Đợt 2 (03/2027)	Số ngày	Đợt 3 (06/2027)	Số ngày	Đợt 4 (09/2027)	Số ngày
25	SSB	6	1.3	0.6	0.1	1.1	0.3	2	0.4	2	0.4
26	VPX	21	6.5	2.1	0.7	4.2	1.3	7.4	2.3	7.4	2.3
27	MSB	21	2.8	2.1	0.3	4.2	0.6	7.3	1	7.3	1
28	BVH	7	7.6	0.7	0.8	1.5	1.5	2.6	2.6	2.6	2.6
29	PLX	24	8.3	2.4	0.8	4.8	1.7	8.5	2.9	8.5	2.9
30	TPB	3	0.6	0.3	0.1	0.7	0.1	1.1	0.2	1.1	0.2
31	POW	3	0.5	0.3	0	0.6	0.1	1.1	0.2	1.1	0.2
32	VIX	17	0.7	1.7	0.1	3.5	0.1	6.1	0.2	6.1	0.2
33	GEX	6	0.4	0.6	0	1.2	0.1	2.2	0.1	2.2	0.1
34	EIB	28	4.0	2.8	0.4	5.7	0.8	9.9	1.4	9.9	1.4
35	OCB	20	11.7	2.0	1.2	3.9	2.3	6.9	4.1	6.9	4.1

Nguồn: FTSE Russell, Công ty Chứng khoán Mirae Asset tổng hợp

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.
- Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.
- Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.
- MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.
- Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.